

Số:496/BC-UBND

Hương Trà, ngày 13 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Công tác Cải cách hành chính quý I năm 2023

Thực hiện Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023, UBND thị xã báo cáo tình hình công tác CCHC quý I năm 2023 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về kế hoạch CCHC

UBND thị xã đã ban hành Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023, trong đó quy định trách nhiệm, thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Theo các nội dung, nhiệm vụ tại Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND thị xã Hương Trà, trong quý I năm 2023 đã hoàn thành 14 nhiệm vụ đạt tỷ lệ 100% và chỉ đạo thực hiện các nội dung, nhiệm vụ trong năm 2023.

2. Công tác chỉ đạo, điều hành

UBND thị xã xác định CCHC là một trong những nhiệm vụ trọng điểm của Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm và phân công cụ thể các nhiệm vụ và trách nhiệm từng cơ quan, đơn vị tại Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2023.

Bên cạnh đó UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 3957/KH-UBND ngày 27/12/2022 về thực hiện cải cách hành chính (CCHC) gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn thị xã Hương Trà năm 2023; Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 09/02/2023 của UBND thị xã Hương Trà Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02/KH-UBND về việc thực hiện Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 08/02/2023 của UBND thị xã Hương Trà về việc duy trì và cải tiến chỉ số CCHC của UBND thị xã Hương Trà năm 2023; Công văn số 164/UBND-CCHC ngày 06/02/2023 về việc thực hiện Công văn số 567/UBND-CCHC ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc nghiêm túc thực hiện việc đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính hàng năm

3. Về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước

Tiếp tục thực hiện các chỉ thị về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước; nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn thị xã;

UBND thị xã đã ban hành Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thị xã Hương Trà về tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính; nâng cao

hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước trên địa bàn thị xã Hương Trà.

Tiếp tục chỉ đạo Tổ công tác số 1272/QĐ-UBND của thị xã đã tiến hành ban hành Kế hoạch số 27/KH-TCT về kiểm tra công vụ năm 2023 và tiến hành kiểm tra đột xuất các xã, phường; một số cơ quan chuyên môn thuộc thị xã và một số cơ sở giáo dục trên địa bàn, qua kiểm tra hầu hết cán bộ, công chức, viên chức đều nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính.

4. Công tác kiểm tra CCHC

UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 07/02/2023 của UBND thị xã Hương Trà về việc kiểm tra công tác CCHC, kiểm soát TTHC, ISO và thực hiện YKCD trong năm 2023 để đánh giá thực trạng tình hình công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện về công tác CCHC của cơ quan, địa phương; nhân rộng các cơ quan, đơn vị điển hình, tiên tiến, kịp thời phát hiện những tồn tại, khó khăn, vướng mắc để xác định nguyên nhân trách nhiệm và đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ, khắc phục những hạn chế, nâng cao hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn thị xã.

Trong đó kiểm tra đối với 5 xã, phường và 8 cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc thị xã và kiểm tra đột xuất không thông báo đối với các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp và UBND các xã, phường trên địa bàn thị xã.

5. Về công tác tuyên truyền

UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 3958/KH-UBND ngày 27/12/2022 về việc tuyên truyền về CCHC năm 2023 trên địa bàn thị xã Hương Trà, chỉ đạo Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao thị xã xây dựng chuyên mục phát thanh định kỳ về CCHC, thường xuyên tuyên truyền, cập nhật các thông tin, quy định, quy trình về các TTHC.

Thường xuyên cập nhật và đăng tải thông tin liên quan CCHC, kịp thời công khai các TTHC mới, các TTHC sửa đổi, bổ sung trên Trang thông tin điện tử thị xã và chỉ đạo các địa phương cập nhật lên trang thông tin điện tử của địa phương mình nhằm cung cấp thông tin, công khai các TTHC đến người dân.

Từ ngày 15/12/2022 đến 10/3/2023, Trang thông tin điện tử thị xã đã đăng 15 tin bài tuyên truyền về CCHC, 5 tin bài trên kênh chuyên đổi số, Trung tâm Văn hóa, thông tin và thể thao thị xã đã duy trì thường xuyên 2 chuyên đề về CCHC trên hệ thống truyền thanh thị xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

Thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, có hiệu quả, nhằm đảm bảo văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đúng theo quy định của Luật ban hành văn bản QPPL (luật năm 2015), UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 3851/KH-UBND ngày 16/12/2022 về hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thị xã Hương Trà nhiệm kỳ 2019-2023; Kế hoạch số 3852/KH-UBND ngày 16/12/2022 rà soát văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thị xã Hương Trà; Kế hoạch số 3939/KH-UBND ngày 26/12/2022 về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 3957/KH-UBND ngày 29/12/2022 về việc thực hiện công tác quản lý thi hành pháp luật xử lý vi phạm

hành chính trên địa bàn thị xã Hương Trà năm 2023; Kế hoạch số 3958/KH-UBND ngày 29/12/2022 về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thị xã Hương Trà năm 2023; Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 18/01/2023 về việc tự kiểm tra và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn thị xã Hương Trà năm 2023.

Căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước và tình hình thực tiễn địa phương, UBND thị xã thường xuyên chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu, tổ chức soạn thảo các văn bản có nội dung quy phạm pháp luật tùy theo tính chất và nội dung của văn bản dự thảo, tổ chức thực hiện lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và được Phòng Tư pháp thẩm định trước khi trình HĐND và UBND thị xã, đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Công tác rà soát, kiểm tra văn bản QPPL luôn được quan tâm và đẩy mạnh, đã chỉ đạo Phòng Tư pháp tiến hành kiểm tra, rà soát các Nghị quyết do HĐND thị xã, HĐND và UBND các xã, phường ban hành; các Quyết định và Chỉ thị của UBND thị xã theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a. Công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính

UBND thị xã đã ban hành Kế hoạch số 3940/KH-UBND ngày 26/12/2022 của UBND thị xã về triển khai đẩy mạnh cải cách TTHC và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 12/01/2023 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2023 trên địa bàn thị xã và Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 12/01/2023 của UBND thị xã về việc rà soát, đánh giá TTHC năm 2023.

Trong thời gian qua công tác cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thị xã đạt được những kết quả tích cực. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, phường đã nghiêm túc tổ chức thực hiện các hoạt động rà soát, đơn giản hóa TTHC, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các văn bản; tổ chức tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo quy định. Việc công khai các thủ tục hành chính theo quy định tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện nghiêm túc.

Tiếp tục duy trì hoạt động hệ thống Website của UBND thị xã, UBND các xã, phường và các cơ quan trực thuộc nhằm cung cấp thông tin, công khai các quy trình, thủ tục hành chính và triển khai dịch vụ công như: tra cứu chính sách pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành; các mẫu đơn, thủ tục hành chính.

b. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

UBND thị xã đã niêm yết công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp thị xã theo quy định tại bảng Niêm yết của Trung tâm hành chính công và trên Trang thông tin điện tử thị xã với tổng số TTHC được công bố là: 319 TTHC của 18 lĩnh vực.

UBND các xã, phường đã niêm yết công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã theo quy định tại bảng Niêm yết của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại cấp xã và trên Trang thông tin điện tử các xã, phường với tổng số TTHC được công bố là: 119 TTHC của 33 lĩnh vực.

Đến nay 100% TTHC được triển khai dịch vụ công mức 3, 4 và tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công thị xã với quy trình thiết lập và cung cấp cho cán bộ, người dân, doanh nghiệp. Số lượng TTHC đã ISO hóa và thiết lập quy trình giải quyết cho 319 TTHC (đạt tỷ lệ 100%).

Đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, phường hoàn thành việc xây dựng, áp dụng và công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Hoàn chỉnh, bổ sung các quyết định sửa đổi, bổ sung quy định hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết và giao trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa tại Trung tâm hành chính công thị xã và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại các xã, phường. Thực hiện kiểm soát chặt chẽ việc quy định TTHC gắn với trách nhiệm người đứng đầu trong công tác cải cách TTHC theo quy định. Nâng cao năng lực nghiên cứu, tham mưu của các cơ quan và của cán bộ, công chức trong cải cách TTHC.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại của UBND các xã, phường của 09 xã, phường trên địa bàn thị xã đã hoạt động ổn định.

UBND thị xã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường kiểm tra, hướng dẫn về quy trình, kỹ năng tác nghiệp trên phần mềm, kỹ năng giao tiếp, ứng xử theo quy định đối với công chức làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại cấp xã, phường.

c. Tình hình và kết quả giải quyết TTHC

Trong quý I năm 2023, tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 10/3/2023, Trung tâm hành chính công thị xã tiếp nhận tổng số hồ sơ: 1118 hồ sơ thuộc các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thị xã. Trong đó có 1103 hồ sơ có ghi giấy hẹn và 15 hồ sơ giải quyết trong ngày không ghi giấy hẹn.

Hồ sơ đã giải quyết trước hẹn: 651 hồ sơ; đã giải quyết đúng hẹn: 186 hồ sơ; đã giải quyết trễ hẹn: 38 hồ sơ.

Hồ sơ đang giải quyết: 243 hồ sơ trong đó đang thụ lý đúng hẹn là 230 hồ sơ; hồ sơ giả quyết nhưng quá hạn 13 hồ sơ.

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hiện đại các xã, phường đã thực hiện các quy trình theo đúng quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

UBND thị xã chỉ đạo Phòng Nội vụ tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, quy định lại chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thị xã. Từ đó chức năng nhiệm vụ của nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước được phân cấp theo quy định, công việc giải quyết đúng tiến độ, sát thực tế hơn. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu BCH Trung ương khóa XII, UBND thị xã đã ban hành nhiều văn bản thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức, bộ máy nhà nước ở địa phương.

4. Cải cách chế độ công vụ

a. Kết quả công tác quản lý, quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh thuộc thẩm quyền

UBND thị xã đã ban hành quyết định điều động, tiếp nhận, bổ nhiệm, bổ nhiệm

lại, miễn nhiệm, phê chuẩn kết quả bầu cử, thực hiện quy trình điều động, thực hiện quy trình bầu cử, đề nghị cấp có thẩm quyền phê chuẩn: 03 trường hợp trong đó:

- 02 trường hợp cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND thị xã.

- 01 trường hợp viên chức quản lý ngành giáo dục.

Tiếp tục cho ý kiến bổ sung quy hoạch về chức danh lãnh đạo quản lý các cơ quan, đơn vị trực thuộc nhiệm kỳ 2020-2025 và nhiệm kỳ 2025-2030.

b. Công tác quản lý, sử dụng biên chế

Tổng số biên chế được giao năm 2022 là **1.304** biên chế (theo Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND thị xã Hương Trà), cụ thể:

+ Công chức: 78 biên chế;

+ Viên chức: 1.170 người (gồm: Cơ quan hành chính: 18 người; Đơn vị sự nghiệp công lập khác: 31 người; Hội Chữ thập đỏ thị xã: 02 người; Đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 1.119 người).

+ Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (gọi tắt HĐ68): 56 người (gồm: Cơ quan hành chính: 07 người; Đơn vị sự nghiệp công lập khác: 03 người; Đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 46 người).

Tổng số biên chế hiện có mặt là **1.265** người, cụ thể:

+ Công chức: 74 biên chế;

+ Viên chức: 1.142 người (gồm: Cơ quan hành chính: 17 người; Đơn vị sự nghiệp công lập khác: 28 người; Hội Chữ thập đỏ thị xã: 02 người; Đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 1.095 người).

+ Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (gọi tắt HĐ68): 49 người (gồm: Cơ quan hành chính: 06 người; Đơn vị sự nghiệp công lập khác: 02 người; Đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 41 người).

Tổng số biên chế còn lại chưa thực hiện là **39** người, cụ thể:

+ Công chức: 04 biên chế;

+ Viên chức: 28 người (gồm: Cơ quan hành chính: 01 người; Đơn vị sự nghiệp công lập khác: 03 người; Đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 24 người).

+ Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (gọi tắt HĐ68): 07 người (gồm: Cơ quan hành chính: 01 người; Đơn vị sự nghiệp công lập khác: 01 người; Đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo: 05 người).

Tiến hành xếp lương, nâng lương và nâng phụ cấp TNVK đối với 62 lượt cán bộ, công chức, viên chức.

Ban hành thông báo và quyết định nghỉ hưu đối với 02 cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tinh giản biên chế 01 công chức cấp xã, cho thôi việc 1 viên chức và cho nghỉ không hưởng lương 01 viên chức, 01 công chức cấp xã.

Đã ban hành quyết định thành lập, kiện toàn 12 Hội đồng, Ban Chỉ đạo, Đoàn Kiểm tra, Tổ thẩm định,... liên quan đến các lĩnh vực QLNN trên địa bàn.

Kỷ luật 01 viên chức (cảnh cáo) và đình chỉ chức vụ đối với 01 cán bộ thị xã.

5. Về cải cách tài chính công

UBND thị xã đã thực hiện có hiệu quả công tác cải cách tài chính công bằng việc giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế, kinh phí chi tiêu nội bộ. Qua đó, nhiều đơn vị đã siết chặt hơn việc quản lý tài sản công, tiết kiệm được kinh phí cho đơn vị, tăng thu nhập cho người lao động...

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006 NĐ-CP. Theo đó, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thị xã đã tiến hành xây dựng chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sử dụng biên chế và kinh phí chi tiêu nội bộ. Tất cả các cơ quan, đơn vị đều xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ trong cơ quan.

Nghị định 43/2006/NĐ-CP của Chính phủ sau khi được ban hành, các đơn vị sự nghiệp công lập đã tiến hành thực hiện việc kiểm soát chi tiêu nội bộ, phát huy tính dân chủ, sáng tạo của người lao động, thay đổi kỹ năng quản lý, thực hiện tiết kiệm nghiêm túc, đúng quy chế.

UBND thị xã đã bố trí nguồn lực cho đầu tư phát triển và thực hiện cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước để triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ước hoàn thành mục tiêu các kế hoạch đề ra.

Công tác phân cấp ngân sách đã có những đổi mới cơ bản, nâng cao quyền chủ động và trách nhiệm của các đơn vị, các địa phương và các ngành sử dụng ngân sách, giảm được nhiều khâu trung gian, thủ tục không cần thiết trong phân bổ ngân sách.

Tiếp tục thực hiện xã hội hóa trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, dân số - kế hoạch hóa gia đình, thể dục, thể thao.

UBND thị xã đã ban hành quyết định công bố công khai dự toán ngân sách hàng năm của thị xã theo quy định.

6. Hiện đại hóa hành chính

a. Việc triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý hành chính nhà nước, trao đổi thông tin giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân

Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ngày càng được quan tâm, đã đầu tư mua sắm trang thiết bị làm việc để phục vụ tốt cho công tác chuyên môn của các cơ quan đơn vị trên địa bàn.

Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 17/01/2023 của UBND thị xã về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng thị xã Hương Trà năm 2023; Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 17/01/2023 của UBND thị xã về chuyển đổi số năm 2023.

Trong thời gian qua, tình hình ứng dụng CNTT đạt nhiều kết quả tích cực. Tiếp tục triển khai các hội nghị trực tuyến từ thị xã đến các xã, phường.

Trang thông tin điện tử của thị xã hoạt động thường xuyên, có hiệu quả, đã kịp thời thông tin công tác chỉ đạo điều hành của thị xã, tình hình kinh tế xã hội – ANQP và hệ thống văn bản cho người dân được biết, trả lời những phản ánh kiến nghị của người dân thông qua tiện ích tiếp nhận ý kiến của người dân trên trang thông tin điện tử. Trang thông tin điện tử 09/09 phường, xã hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.

Tiếp tục duy trì hoạt động hệ thống Website của UBND thị xã, UBND các xã, phường và các cơ quan trực thuộc nhằm cung cấp thông tin, công khai các quy trình, thủ tục hành chính và triển khai dịch vụ công như: tra cứu chính sách pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành; các mẫu đơn, thủ tục hành chính.

Về tiếp nhận và trả lời phản ánh của công dân trên Hệ thống thông tin Dịch vụ đô thị thông minh: đã tiếp nhận 09 phản ánh (đã giải quyết 09 phản ánh đúng hạn).

b. Việc sử dụng các phần mềm vào giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị, địa phương

Tất cả các cơ quan đơn vị đã sử dụng khá tốt phần mềm Đăng ký lịch và phát hành giấy mời qua mạng, trong quý I năm 2023 đã phát hành 30 giấy mời của UBND thị xã trên môi trường mạng.

Phần mềm theo dõi ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh, thị xã: Trong quý I (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 10/3/2023) năm 2023, UBND thị xã đã hoàn thành 43 YKCD của lãnh đạo tỉnh, trong đó đã hoàn thành trước và đúng hạn 34; Các xã, phường trên địa bàn thị xã đã thực hiện hoàn thành 46/48 YKCD của lãnh đạo thị xã giao, trong đó đã hoàn thành đúng hạn 45, quá hạn 01.

Phần mềm theo dõi tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo đã được Ban tiếp công dân thị xã, Thanh tra thị xã và các phòng ban liên quan triển khai sử dụng đúng yêu cầu.

100% các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thị xã và UBND các phường, xã sử dụng hệ thống mạng diện rộng trên cơ sở kết nối mạng CPNet và internet tập trung bằng công nghệ Metronet tại tất cả - Vận hành có hiệu quả các phần mềm dùng chung, ký số tất cả các văn bản lưu thông trên mạng.

Phần mềm Quản lý văn bản và điều hành đã được các cơ quan, đơn vị triển khai khá tốt, đã tiếp nhận 2965 văn bản đến, ban hành 1125 văn bản đi trên phần mềm tất cả đều được ký số; đã tiếp nhận, xử lý, lưu thông văn bản thông qua 2 hệ thống phần mềm của thị xã và của các phòng ban, các phường, xã.

c. Về Hệ thống Quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015

UBND thị xã xây dựng kế hoạch số 3806/KH-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 về xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2023. Xây dựng kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 10/02/2023 về đánh giá nội bộ Hệ thống QLCL phù hợp Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2023 tại thị xã Hương Trà

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Công tác CCHC trên địa bàn thị xã ngày càng có nhiều chuyển biến đáng kể, chất lượng và hiệu quả công việc ngày càng được nâng lên rõ nét, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Hoạt động của Trung tâm Hành chính công thị xã và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại các xã, phường từng bước đi vào nề nếp, số thủ tục hành chính sai, trễ hẹn giảm đáng kể, thời gian giải quyết hồ sơ từng bước được rút ngắn. Năng lực thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày càng được nâng lên, từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Việc ứng dụng CNTT vào hoạt động của cơ quan hành chính ngày càng hiện đại, hiệu quả.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác CCHC trên địa bàn thị xã vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần sớm được khắc phục, đó là:

- Một số địa phương, đơn vị quan tâm chưa đúng mức trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo về cải cách hành chính.
- Chất lượng hoạt động ở Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại một số địa phương chưa cao, giải quyết hồ sơ có lúc còn chậm trễ.
- Việc sử dụng các phần mềm dùng chung tại một số địa phương còn lúng túng đặc biệt là phần mềm ý kiến chỉ đạo.
- Một số địa phương chưa làm tốt công tác đưa tin, xác thực đăng tin trên trang thông tin điện tử xã, phường.
- Việc khắc phục những hạn chế sau kiểm tra tại một số địa phương còn chậm.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ 9 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Đẩy mạnh thực hiện các Kế hoạch về công tác cải cách hành chính năm 2023 trên địa bàn thị xã.

2. Thực hiện kiểm tra kỷ cương, kỷ luật hành chính đối với cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường trên địa bàn thị xã, chú trọng kiểm tra đột xuất. Đẩy mạnh công tác chỉ đạo, điều hành, đưa công tác CCHC ở các cơ quan, đơn vị, địa phương hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

3. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về công tác CCHC năm 2023 với nhiều hình thức, đồng thời giới thiệu, nêu gương các cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến trong công tác CCHC.

4. Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của UBND cấp xã.

5. Tiếp tục sắp xếp, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận một cửa các xã, phường nhằm đáp ứng được yêu cầu của công tác CCHC.

6. Thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ, công chức, viên chức, chú trọng chuyển đổi vị trí công tác theo quy định.

7. Tiếp tục thực hiện tốt việc xây dựng, kiểm tra, rà soát hệ thống hóa các văn bản QPPL; việc kiểm soát, rà soát, đơn giản hóa TTHC, công tác cải cách tài chính công,...

8. Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn về nghiệp vụ công tác CCHC, ứng dụng CNTT và áp dụng, duy trì cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015..../.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; (để b/c)
- Sở Nội vụ; (để b/c)
- Thường vụ Thị ủy; (để b/c)
- TT HĐND thị xã; (để b/c)
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Ngọc An

HỆ THỐNG
PHỤ LỤC BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH ĐỊNH KỲ
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 496/BC-UBND ngày 13 /3/2023 của UBND thị xã)

Phụ lục 2

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	6	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	100%	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	33	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	14	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số cơ quan, đơn vị đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.2	Số UBND cấp xã, phường đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1	<i>Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra</i>	<i>Vấn đề</i>	0	
3.3.2	<i>Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong</i>	<i>Vấn đề</i>	0	
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	112	
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	87	
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	8	
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	423	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Phụ lục 3

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỂ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	01	
1.1.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	09	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	10	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	<i>0</i>	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	<i>0</i>	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	Thẩm quyền cấp tỉnh	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>		
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		

Phụ lục 4
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU
BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	thuộc thẩm quyền tỉnh	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	396	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	173	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	2	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	46	
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	95,9%	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	855	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	820	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,3%	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	2008	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	1973	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.3.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.3.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	0	

Phụ lục 5

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	6	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	6	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	33%	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	78	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	74	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	6	Hợp đồng theo Nghị định 68
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	1,12%	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1201	gồm biên viên chức và HĐ 68
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1168	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		

Phụ lục 6

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	11	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	6	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	0
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	1	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	1	

Phụ lục 7

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	17,11%	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	30,162	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	5,161	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	41	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	0	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	0	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	Đơn vị	0	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	40	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Phụ lục 8
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100%	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100%	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100%	
5.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100%	
5.2.3	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100%	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100%	
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100%	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			

6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	45,2%	
6.1.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	179	
6.1.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	179	
6.1.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	7	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	37,9%	
6.2.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	150	
6.2.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	150	
6.2.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	18	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	42,3%	
6.3.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	329	
6.3.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	139	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	26%	
6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	1121	
6.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	295	
6.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	69	
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	69	cổng DVC tỉnh

